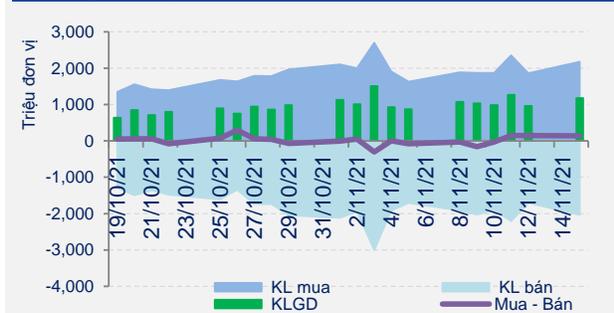


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 15/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,476.57	444.28
% Thay đổi	↑ 0.22%	↑ 0.60%
KLGD (CP)	1,174,091,099	212,387,210
GTGD (tỷ đồng)	34,045.34	5,227.71
Tổng cung (CP)	2,037,469,600	249,434,000
Tổng cầu (CP)	2,179,245,500	258,297,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	41,679,600	4,104,123
KL mua (CP)	40,946,900	517,200
GT mua (tỷ đồng)	1,781.10	14.53
GT bán (tỷ đồng)	1,675.42	98.39
GT ròng (tỷ đồng)	105.69	(83.86)

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.77%	24.8	3.9	1.2%
Công nghiệp	↑ 1.66%	24.1	3.2	15.2%
Dầu khí	↑ 0.05%	20.7	2.2	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.69%	-	6.3	4.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.82%	17.9	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.72%	23.4	4.1	9.8%
Ngân hàng	↓ -0.38%	11.6	2.3	9.4%
Nguyên vật liệu	↓ -1.27%	12.4	2.9	16.1%
Tài chính	↑ 0.76%	20.0	3.4	36.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.24%	17.5	3.0	3.4%
VN - Index	↑ 0.22%	17.4	3.0	
HNX - Index	↑ 0.60%	24.6	4.9	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm nhẹ trong phiên đầu tuần với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, VN-Index tăng 3,2 điểm (+0,22%) lên 1.476,57 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE nghiêng về tích cực với 319 mã tăng, 40 mã tham chiếu, 206 mã giảm. HNX-Index tăng 2,56 điểm (+0,6%) lên 444,28 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 219 mã tăng, 43 mã tham chiếu, 97 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.351 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 37.804 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc chỉ số VN30 (+0,05%) tiếp tục có sự phân hóa khiến thị trường chỉ tăng nhẹ trong phiên hôm nay với bên giảm là các mã như NVL (-2,3%), GVR (-2,2%), HPG (-1,8%), VPB (-1,6%), SAB (-1,2%), VJC (-1,2%), TCB (-1%)... và bên tăng là các mã như POW (+6,9%), HDB (+3%), MSN (+2,9%), SSI (+2,7%), MWG (+2,5%), VHM (+2,4%), TPB (+1%)... Dòng tiền vẫn đang có xu hướng rút khỏi nhóm vốn hóa lớn để đổ vào nhóm vốn hóa vừa và nhỏ giúp cho nhóm này tăng giá mạnh. Nhóm cổ phiếu chứng khoán thu hút dòng tiền và đồng loạt bứt phá mạnh, có thể kể đến như VND (+0,4%), SHS (+7,6%), VCI (+1%), ORS (+4,6%), HCM (+3,1%), VIX (+6,7%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh, có thể kể đến như ITA (+3,7%), CII (+3,4%), SCR (+6,3%), LDG (+6,9%), IDJ (+10%), HQC (+6,9%)... Nhóm cổ phiếu họ FLC (+6,8%) dậy sóng với hàng loạt mã tăng trần như ROS (+6,9%), ART (+9,4%), KLF (+9,8%), AMD (+6,8%) và HAI (+3,8%) cũng đã có lúc chạm trần.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường duy trì được đà tăng trong phiên đầu tuần với mức tăng nhẹ (+0,22%) và thanh khoản gia tăng so với phiên cuối tuần trước cho thấy lực cầu mua lên vẫn tốt và dòng tiền vẫn đang đổ vào thị trường. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index vẫn đang di chuyển trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 61,8%) cho nên dự địa để thị trường tiếp tục tăng là vẫn còn. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng mạnh thì thị trường có thể cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 16/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm trong phiên 11/11 khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu có những nhịp test lại hỗ trợ kể trên.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 15/11/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.481,96 điểm. Nhưng cũng có thời điểm, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.466,01 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 3,2 điểm (+0,22%) lên 1.476,57 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 2.000 đồng, MSN tăng 4.400 đồng, MWG tăng 3.400 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG giảm 1.000 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 449,62 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,65 điểm (+0,6%) lên 444,28 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: KSF tăng 6.100 đồng, SHS tăng 3.400 đồng, IDJ tăng 6.800 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 7.500 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 103,33 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 234 nghìn cổ phiếu. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 184,1 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là FUEVFNVD với 156,8 tỷ đồng tương ứng với 5,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SSI là mã bị bán ròng nhiều nhất với 325,7 tỷ đồng tương ứng với 7,1 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 77,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,6 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 45,7 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HUT với 15,6 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,5 tỷ đồng tương ứng với 20,6 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Nhóm hàng đầu tiên có quy mô xuất nhập khẩu đạt 100 tỷ trong năm 2021

Theo Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước trong 10 tháng đầu năm đạt 539,42 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm ngoài, tương ứng tăng 99,54 tỷ USD. Đáng chú ý, nhóm hàng máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện có trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu vượt mốc 100 tỷ USD. Đây là nhóm hàng đầu tiên đạt được mức này trong năm 2021.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên. Kết hợp với mẫu hình nến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là áp lực chốt lời đã xuất hiện nhưng lực cầu bắt đáy sau đó là thực sự tốt đã giúp chỉ số này kết phiên trong sắc đỏ.

Chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ chuyển sang phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên tăng nhẹ với thanh khoản cao trong phiên đầu tuần thì có thể thấy là xu hướng tăng của VN-Index vẫn chưa hề có sự thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng điểm cao hơn trong thời gian tới là hoàn toàn có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng mạnh thì VN-Index có thể sẽ lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 16/11, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,8 - 60,5 triệu đồng/lượng, giảm 300.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 11 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 15/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.104 VND/USD, giảm 11 đồng so với cuối tuần qua.

## TIN QUỐC TẾ

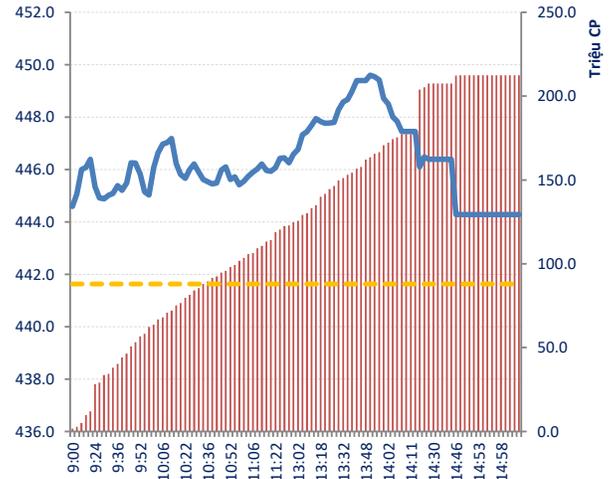
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,1 USD/ounce tương ứng với 0,28% xuống 1.863,35 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,063 điểm tương ứng 0,07% xuống 95,065 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1448 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3416 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,93 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,63 USD/thùng tương ứng với 0,8% xuống 79,05 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 12/11, Dow Jones tăng 179,08 điểm tương đương 0,5% lên 36.100,31 điểm. Nasdaq tăng 156,68 điểm tương đương 1% lên 15.860,96 điểm. Nasdaq Composite tăng 33,58 điểm tương đương 0,72% lên 4.682,85 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



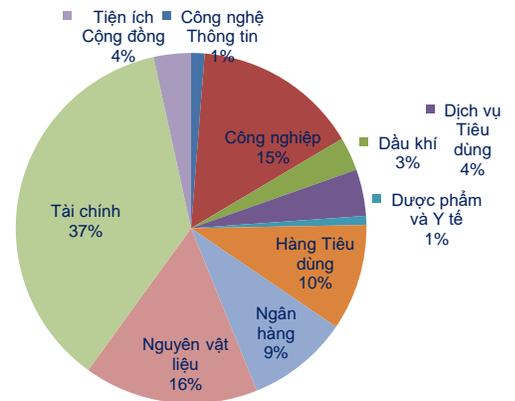
KLGD và HNX-Index trong phiên



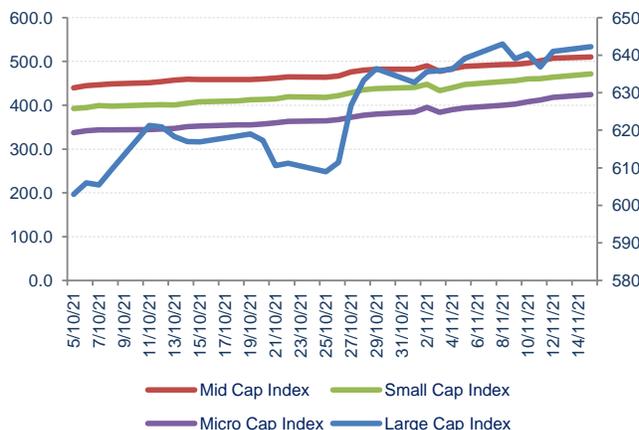
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



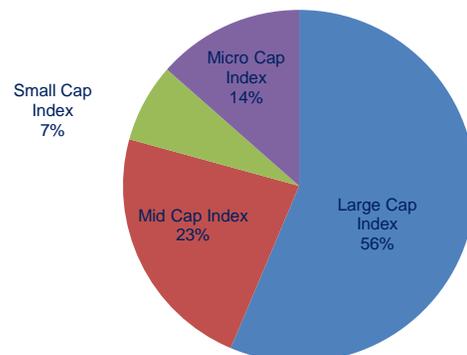
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	5,607,000	SSI	7,080,100
2	VHM	2,207,000	GEX	1,676,100
3	HDB	1,806,500	NLG	1,057,300
4	CII	1,159,700	CMX	741,100
5	STB	1,040,500	DXG	662,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	28,400	PVS	1,570,711
2	MST	25,900	HUT	1,048,200
3	PPS	21,300	CTB	265,084
4	VCS	20,600	IVS	229,200
5	PCG	19,700	ART	112,500

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
POW	12.95	13.85	↑ 6.95%	45,392,800
FLC	13.90	14.85	↑ 6.83%	42,262,100
ROS	6.68	7.14	↑ 6.89%	38,069,300
ITA	10.95	11.35	↑ 3.65%	37,822,400
HAG	7.62	8.15	↑ 6.96%	34,541,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.70	29.20	↓ -1.68%	18,315,777
KLF	6.10	6.70	↑ 9.84%	17,258,207
ART	11.70	12.80	↑ 9.40%	11,130,472
SHS	44.50	47.90	↑ 7.64%	8,784,393
TVC	23.00	25.00	↑ 8.70%	7,797,534

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NBB	40.00	42.80	2.80	↑ 7.00%
QCG	9.58	10.25	0.67	↑ 6.99%
FTM	5.86	6.27	0.41	↑ 7.00%
NAV	27.90	29.85	1.95	↑ 6.99%
DGW	111.70	119.50	7.80	↑ 6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE2	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
VMC	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
KSQ	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
C92	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
BSC	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTL	9.49	8.83	-0.66	↓ -6.95%
HDC	115.00	107.00	-8.00	↓ -6.96%
NHT	44.00	40.95	-3.05	↓ -6.93%
HTL	26.20	24.40	-1.80	↓ -6.87%
VHC	67.40	64.00	-3.40	↓ -5.04%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QST	14.30	12.90	-1.40	↓ -9.79%
VE3	17.40	15.70	-1.70	↓ -9.77%
DZM	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%
V12	23.90	21.60	-2.30	↓ -9.62%
LCD	20.90	18.90	-2.00	↓ -9.57%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	307.14	16.5%	2,067	21.6	2.6
NBB	82.58	28.3%	6,422	6.2	2.1
VND	81.75	34.3%	5,018	13.9	3.2
GEX	77.50	8.6%	1,978	20.5	1.6
NLG	73.70	13.6%	4,688	14.5	1.8

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-301.68	38.3%	8,968	9.1	3.0
MSN	-151.05	8.4%	2,032	73.6	5.5
KBC	-89.04	6.0%	1,557	34.4	2.0
GAS	-85.60	16.9%	4,384	26.9	4.5
DGW	-70.24	31.6%	4,739	23.6	6.8

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	26.26	20.7%	2,813	10.0	1.9
SCR	7.58	5.5%	740	23.7	1.3
VNM	6.41	31.0%	5,037	17.7	5.5
FLC	5.43	13.1%	1,967	7.1	1.0
DGW	3.89	31.6%	4,739	23.6	6.8

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-25.19	44.7%	7,085	7.7	2.9
VND	-3.94	34.3%	5,018	13.9	3.2
VHM	-3.76	38.3%	8,968	9.1	3.0
ACC	-3.43	10.9%	1,875	12.3	1.5
PAN	-3.13	3.4%	1,009	38.2	1.3

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	117.13	38.3%	8,968	9.1	3.0
FPT	62.27	20.4%	4,436	22.1	4.4
FLC	61.36	13.1%	1,967	7.1	1.0
MSN	61.20	8.4%	2,032	73.6	5.5
ACB	56.57	24.9%	3,599	9.3	2.1

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-170.84	N/A	N/A	N/A	N/A
NBB	-83.69	28.3%	6,422	6.2	2.1
CII	-83.16	0.5%	177	167.5	0.9
TVB	-49.72	27.6%	2,764	9.4	2.2
HAG	-46.15	-18.4%	(1,220)	-	1.4

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	188.31	38.3%	8,968	9.1	3.0
FUEVFVND	159.86	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	90.99	8.4%	2,032	73.6	5.5
HPG	71.15	44.7%	7,085	7.7	2.9
DGW	62.11	31.6%	4,739	23.6	6.8

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-326.41	16.5%	2,067	21.6	2.6
GEX	-73.22	8.6%	1,978	20.5	1.6
NLG	-71.48	13.6%	4,688	14.5	1.8
VNM	-64.14	31.0%	5,037	17.7	5.5
VND	-41.39	34.3%	5,018	13.9	3.2



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	45,392,800	8.6%	1,167	11.1	0.9
FLC	42,262,100	3250.0%	1,967	7.1	1.0
ROS	38,069,300	3.1%	324	20.6	0.6
ITA	37,822,400	1.5%	174	63.1	0.9
HAG	34,541,700	-18.4%	(1,220)	-	1.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,315,777	4.6%	1,238	24.0	1.1
KLF	17,258,207	0.1%	6	1,003.8	0.6
ART	11,130,472	0.3%	32	370.1	1.0
SHS	8,784,393	25.5%	3,280	13.6	2.1
TVC	7,797,534	28.3%	5,856	3.9	1.2

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NBB	↑ 7.0%	28.3%	6,422	6.2	2.1
QCG	↑ 7.0%	1.2%	180	53.2	0.6
FTM	↑ 7.0%	-73.9%	(3,615)	-	1.6
NAV	↑ 7.0%	12.6%	1,771	15.8	2.0
DGW	↑ 7.0%	31.6%	4,739	23.6	6.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE2	↑ 10.0%	7.3%	813	16.0	1.2
VMC	↑ 10.0%	0.9%	156	89.8	0.8
KSQ	↑ 10.0%	0.2%	17	533.7	0.8
C92	↑ 10.0%	2.5%	289	27.7	0.7
BSC	↑ 10.0%	-1.1%	(134)	-	1.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	5,607,000	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	2,207,000	38.3%	8,968	9.1	3.0
HDB	1,806,500	20.7%	2,813	10.0	1.9
CII	1,159,700	0.5%	177	167.5	0.9
STB	1,040,500	11.1%	1,864	15.1	1.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	28,400	25.5%	3,280	13.6	2.1
MST	25,900	10.5%	1,411	13.0	1.5
PPS	21,300	11.2%	1,375	10.2	1.2
VCS	20,600	41.5%	11,163	11.1	4.2
PCG	19,700	3.7%	319	36.7	1.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	364,212	20.4%	5,696	17.2	3.3
VIC	359,593	2.9%	1,111	85.1	2.2
VHM	357,058	38.3%	8,968	9.1	3.0
HPG	244,222	44.7%	7,085	7.7	2.9
GAS	226,037	16.9%	4,384	26.9	4.5

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,075	25.2%	4,694	50.0	14.2
IDC	26,700	11.8%	1,805	49.3	5.7
KSF	21,210	8.8%	773	91.5	3.5
VCS	19,776	41.5%	11,163	11.1	4.2
BAB	17,021	8.6%	979	23.1	1.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	2.49	54.5%	2,573	8.8	3.5
FTS	2.41	22.7%	3,584	19.8	4.0
DRH	2.41	2.1%	292	82.3	1.7
ANV	2.11	6.7%	1,265	30.8	2.1
IJC	2.10	23.5%	3,643	9.9	2.4

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.83	4.5%	683	93.8	4.5
VHE	2.38	0.6%	68	152.0	1.0
PVL	2.26	9.9%	475	32.0	3.0
TTL	2.22	2.3%	324	42.8	0.9
SGC	2.19	16.9%	3,114	22.4	3.5



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---